

# GÓP Ý QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA

TS. NGUYỄN HUỲNH BẢO KHÁNH

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

## Thông tin bài viết:

**Từ khóa:** Tương trợ tư pháp; hình sự; tội phạm; hợp tác quốc tế.

**Lịch sử bài viết:**

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng : 20/11/2025

## Tóm tắt:

Tương trợ tư pháp về hình sự là cơ chế hợp tác quốc tế thiết yếu giúp các quốc gia hỗ trợ nhau trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm như buôn người, rửa tiền, ma túy, khủng bố và tội phạm mạng. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, pháp lý và vai trò của tương trợ tư pháp hình sự trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, đồng thời đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam và đề xuất hoàn thiện Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về hình sự.

## Article Information:

**Keywords:** Mutual legal assistance; criminal law; crime; international cooperation.

**Article History:**

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 20 Nov. 2025

## Abstract:

Mutual legal assistance (MLA) in criminal matters is an essential mechanism of international cooperation, enabling states to assist one another in the investigation, prosecution, and adjudication of crimes such as human trafficking, money laundering, drug trafficking, terrorism, and cybercrime. This article analyzes the theoretical and legal foundations as well as the role of MLA in combating transnational crimes while simultaneously assessing the current state of Vietnam's legal framework on mutual legal assistance in criminal matters. Then, it provides recommendations for improving the Draft Law on Mutual Legal Assistance in Criminal Matters.

## Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng, các loại hình tội phạm nghiêm trọng ngày càng có xu hướng vượt qua biên giới quốc gia, hình thành mạng lưới tội phạm xuyên quốc gia phức tạp. Không một quốc gia đơn lẻ nào có thể tự mình đối phó hiệu quả với các mối đe dọa tội phạm này; do đó, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hình sự là tất yếu để “đấu tranh hiệu quả với tội phạm có

tổ chức xuyên quốc gia, khủng bố và tham nhũng”<sup>1</sup>. Một trong những cơ chế hợp tác quan trọng hàng đầu là tương trợ tư pháp (TTTP) về hình sự (mutual legal assistance - MLA). Đây là quá trình mà qua đó các quốc gia cung cấp cho nhau sự hỗ trợ pháp lý cần thiết trong việc thu thập chứng cứ, tài liệu, xác minh thông tin, cũng như thực hiện các thủ tục tố tụng hình sự khác phục vụ điều tra, truy tố, xét xử tội phạm<sup>2</sup>. Cơ chế TTTP

<sup>1</sup> Cássius Guimarães Chai et al. (2023), “Global Governance and Democracy: Discussing Mutual Legal Correspondence, Human Rights, and Legal Cooperation on Criminal Justice”, Beijing Law Review, 14, tr. 1504, 1507.

<sup>2</sup> Dương Đình Công (2024), “Hoàn thiện pháp luật trong tương trợ tư pháp về hình sự đáp ứng yêu cầu hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân”, Tạp chí Kiểm sát, số 16, tr. 28.

về hình sự cho phép cơ quan chức năng của nước yêu cầu thu thập chứng cứ hoặc tiến hành biện pháp tố tụng tại nước được yêu cầu một cách hợp pháp, có giá trị pháp lý, khắc phục trở ngại do khác biệt thẩm quyền tài phán giữa các quốc gia có chủ quyền.

TTTP về hình sự được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi. Trước đây, các yêu cầu hỗ trợ thường thực hiện qua thư ủy thác tư pháp gửi đường ngoại giao, nhưng cách này chậm và thiếu hiệu quả. Hiện nay, các hiệp định song phương và đa phương đã tạo cơ sở pháp lý và quy trình thống nhất, giúp việc tương trợ nhanh chóng, hiệu quả hơn. Các công ước quốc tế như Công ước của Liên hợp quốc (LHQ) chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNCTOC 2000) và Công ước LHQ về chống tham nhũng (UNCAC 2003) quy định các quốc gia thành viên phải “tương trợ pháp lý rộng rãi nhất có thể” trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm và yêu cầu mỗi nước chỉ định cơ quan trung ương để tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ<sup>3</sup>. Như vậy, khuôn khổ pháp lý quốc tế đã hình thành tương đối đầy đủ cho hoạt động TTTP hình sự, đòi hỏi mỗi quốc gia phải nội luật hóa và triển khai hiệu quả.

Đối với Việt Nam, chủ trương tăng cường hợp tác TTTP đã được khẳng định trong nhiều nghị quyết của Đảng và Quốc hội từ đầu những năm 2000. Luật TTTP năm 2007 ra đời là văn bản luật đầu tiên quy định toàn diện về hoạt động này, bao gồm cả dân sự và hình sự. Cùng với đó, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2021, 2024, 2025) đã dành Phần thứ VIII quy định chi tiết về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, trong đó Viện kiểm sát nhân dân tối cao (VKSNDTC) được xác định là Cơ quan trung ương trong TTTP về hình sự của Việt Nam. Việt Nam cũng không ngừng mở rộng tham gia các điều ước quốc tế liên quan. Theo thống kê, đến nay Việt Nam là thành viên của 22 điều ước quốc tế đa phương và 29 điều ước song phương có quy định về TTTP hình sự<sup>4</sup>. Tiêu biểu, Việt Nam đã gia nhập UNCTOC, UNCAC; ký kết Hiệp định TTTP về hình sự với nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Australia, các nước ASEAN... và tham gia Hiệp định TTTP hình sự ASEAN năm 2004. Thống kê từ VKSNDTC cho thấy, giai đoạn 2008 - 2023, Việt Nam đã gửi tổng cộng 2.798 yêu cầu TTTP về hình sự ra nước ngoài; khoảng 75% trong số đó gửi tới các nước đã có hiệp định tương trợ với Việt Nam<sup>5</sup>. Thực tiễn này chứng minh rằng, khuôn khổ pháp lý song phương rõ ràng giúp đẩy nhanh quá trình xử lý yêu cầu, nâng cao hiệu quả hợp tác.

Tuy đạt nhiều kết quả, pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực TTTP về hình sự vẫn còn một số hạn chế so với yêu cầu thực tiễn và chuẩn mực quốc tế. Hiện Việt Nam đang xây dựng Dự thảo Luật TTTP về hình sự nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Bài viết này phân tích cơ sở lý luận, vai trò của TTTP về hình sự, đánh giá các quy định của Dự thảo Luật<sup>6</sup> và đề xuất giải pháp hoàn thiện phù hợp với thực tiễn và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

<sup>3</sup> United Nations Office on Drugs and Crime, Mutual legal assistance (MLA), <https://www.unodc.org/e4j/ru/organized-crime/module-11/key-issues/mutual-legal-assistance.html>, truy cập ngày 14/10/2025.

<sup>4</sup> Nguyễn Thanh Liêm (2024), “Một số vấn đề về tương trợ tư pháp hình sự của Việt Nam”, Tạp chí Kiểm sát, số 18, tr. 17.

<sup>5</sup> Dương Đình Công (2024), *tlđđ*, tr. 29.

<sup>6</sup> Dự thảo 2 Luật TTTP về hình sự, trình cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, <https://duthaoonline.quochoi.vn/dt/luat-tuong-tro-tu-phap-ve-hinh-su/250425090742015567>, truy cập ngày 15/10/2025.

## 1. Cơ sở lý luận và pháp lý của tương trợ tư pháp hình sự trong bối cảnh toàn cầu hóa

TTTP về hình sự được hiểu là việc hai hay nhiều quốc gia, thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Mục đích chính là giúp quốc gia yêu cầu thực hiện được những hoạt động tố tụng ngoài lãnh thổ của mình (thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhân chứng, khám xét, tịch thu tài sản... ở nước ngoài) một cách hợp pháp và ngược lại, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của nhau. Nguyên tắc chi phối hoạt động này trước hết là tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp nội bộ, bình đẳng và cùng có lợi giữa các quốc gia.

Bên cạnh đó, trong thực tiễn hợp tác quốc tế về hình sự đã hình thành một số nguyên tắc pháp lý đặc thù. Nguyên tắc có đi có lại cho phép tiến hành tương trợ ngay cả khi chưa có điều ước giữa hai nước, với điều kiện nước được yêu cầu tin chắc nước yêu cầu cũng sẽ sẵn sàng đáp lại tương tự trong tương lai. Nguyên tắc tội phạm kép (dual criminality) cũng rất quan trọng: một yêu cầu tương trợ chỉ được thực hiện nếu hành vi liên quan được coi là tội phạm ở cả hai nước. Nguyên tắc này phản ánh quan điểm “không có tội nếu pháp luật không quy định” (nullum crimen sine lege) và nhằm bảo vệ quyền con người (tránh việc người bị yêu cầu phải chịu điều tra về hành vi mà nước họ không coi là tội phạm)<sup>7</sup>. Tuy vậy, nguyên tắc tội phạm kép thường được áp dụng linh hoạt: nhiều hiệp định chỉ đòi hỏi tội phạm kép đối với các biện pháp cưỡng chế quan trọng (dẫn độ, chuyển giao người đang thi hành án...), còn với các hoạt động hỗ trợ khác (thu thập thông tin, cung cấp tài liệu) có thể bỏ qua

yêu cầu tội phạm kép để không cản trở hợp tác. Ngoài ra, các điều ước quốc tế hiện đại cũng nhấn mạnh nguyên tắc dành sự tương trợ tối đa (affording the widest measure of assistance) và nguyên tắc bảo đảm quyền con người trong quá trình tương trợ. Nguyên tắc tương trợ tối đa yêu cầu các quốc gia cố gắng hết mức để đáp ứng yêu cầu hợp tác, chỉ từ chối khi có lý do chính đáng theo luật. Còn nguyên tắc bảo đảm quyền con người đòi hỏi quá trình thực hiện tương trợ không được xâm hại các quyền cơ bản của cá nhân liên quan (ví dụ quyền không bị truy bức, quyền riêng tư dữ liệu...).

Về cơ sở pháp lý quốc tế, hoạt động TTTP về hình sự dựa trên mạng lưới các hiệp định song phương và đa phương. Ở bình diện đa phương, như đã đề cập, hai công ước toàn cầu là UNCTOC và UNCAC đều có những điều khoản rất chi tiết về TTTP. Chẳng hạn, Điều 18 UNCTOC (gồm 30 khoản) quy định các quốc gia thành viên “dành cho nhau sự tương trợ pháp lý rộng nhất”, đồng thời liệt kê các hình thức tương trợ phổ biến, bao gồm: thu thập lời khai hoặc lời chứng; tổng đạt tài liệu tư pháp; khám xét, thu giữ, phong tỏa; cung cấp hồ sơ, tài liệu, đặc biệt là tài liệu ngân hàng, tài chính; xác định, truy tìm tài sản do phạm tội mà có; tịch thu tài sản phạm tội; tạo điều kiện cho người làm chứng có mặt tại nước yêu cầu; và “bất kỳ hình thức hỗ trợ nào khác không trái với pháp luật nước được yêu cầu”<sup>8</sup>. Các hiệp định TTTP song phương thường dựa trên khuôn khổ đó, nhưng có thể điều chỉnh cụ thể cho phù hợp quan hệ hai nước. Một ví dụ điển hình là Hiệp định TTTP hình sự ASEAN năm 2004 đã tạo nền tảng pháp lý chung cho 10 nước ASEAN hợp tác điều tra, truy tố tội phạm, qua đó thúc đẩy hài hòa hóa pháp luật trong khu vực.

<sup>7</sup> Dương Đình Công (2024), *tlđđ*, tr. 30.

<sup>8</sup> United Nations Office on Drugs and Crime, *tlđđ*.

Ở Việt Nam, pháp luật về TTTP hình sự được hình thành qua nhiều tầng nấc: (i) Các quy định trong BLTTHS năm 2015 (Chương XXXV, XXXVI) định ra nguyên tắc và thẩm quyền cơ bản; (ii) Luật TTTP năm 2007 là luật gốc quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tương trợ trong cả lĩnh vực dân sự lẫn hình sự (phần về hình sự từ Điều 17 đến Điều 31); (iii) Các văn bản chuyên ngành khác như Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 (nay là Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022), Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) đều có chương về hợp tác quốc tế, nêu trách nhiệm tương trợ của các cơ quan chuyên trách trong lĩnh vực đó; (iv) Các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập như đã liệt kê ở trên, theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Điều ước quốc tế năm 2016, sẽ được ưu tiên áp dụng nếu có quy định khác với luật trong nước. Nhìn chung, khung pháp luật hiện hành đã tạo cơ sở cho hoạt động tương trợ, nhưng để bắt kịp sự phát triển của tình hình tội phạm xuyên quốc gia, cần tiếp tục hoàn thiện cả về nội dung luật định lẫn cơ chế thực thi.

## 2. Vai trò của tương trợ tư pháp hình sự trong phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia

Sự nổi lên của các tội phạm xuyên quốc gia như buôn người, rửa tiền, buôn bán ma túy, tội phạm mạng, khủng bố đã đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với mỗi quốc gia. Đặc điểm chung của những loại tội phạm này là phạm vi hoạt động trải rộng qua nhiều quốc gia, lợi dụng sự khác biệt pháp luật và khoảng trống quản lý giữa các nước. Do đó, muốn đấu tranh hiệu quả, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia về trao

đổi thông tin tình báo, dẫn độ tội phạm, và đặc biệt là TTTP trong điều tra, truy tố.

Trước hết, tội phạm buôn bán người (human trafficking) thường hình thành các đường dây đưa nạn nhân qua biên giới, do đó cơ quan thực thi pháp luật phải thu thập chứng cứ ở nhiều nước: từ xác định danh tính nạn nhân, lời khai nhân chứng ở nước nạn nhân bị đưa đến, đến truy bắt kẻ cầm đầu ở nước khác. Thông qua tương trợ tư pháp hình sự (TTTPHS), Việt Nam có thể yêu cầu các nước phối hợp lấy lời khai nhân chứng, nạn nhân, xác minh giấy tờ tùy thân, thu thập hồ sơ xuất nhập cảnh, tài liệu đường dây tội phạm... nhằm phục vụ điều tra vụ án buôn người.

Đối với tội phạm rửa tiền và tham nhũng, TTTPHS có vai trò then chốt trong việc lần theo dấu vết tài sản và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các đối tượng tham nhũng, tội phạm kinh tế thường chuyển tiền ra nước ngoài hoặc mua tài sản ở nước ngoài để che giấu nguồn gốc phi pháp. Vì vậy, cơ quan tố tụng Việt Nam phải nhờ sự hợp tác của nước ngoài để truy tìm tài khoản ngân hàng, phong tỏa tiền gửi, hoặc tịch thu tài sản trên lãnh thổ nước bạn. Điều này đã được luật hóa trong nhiều điều ước quốc tế: Điều 46 UNCAC năm 2003 khuyến khích các quốc gia hỗ trợ nhau tối đa trong việc thu thập thông tin về tài khoản ngân hàng, tịch thu tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản về cho nước bị hại<sup>9</sup>.

Trong lĩnh vực phòng, chống ma túy, từ lâu cộng đồng quốc tế đã hợp tác chặt chẽ thông qua các công ước LHQ 1961, 1971, 1988 về ma túy, theo đó các nước cam kết tương trợ lẫn nhau trong điều tra, truy tố tội phạm ma túy. Việt Nam nằm trong khu vực “Tam giác vàng” về ma túy, thường xuyên phối hợp với Lào, Campuchia, Trung Quốc để triệt phá các đường dây ma túy xuyên quốc gia. TTTPHS

<sup>9</sup>) United Nations Office on Drugs and Crime, *tlđđ*.

tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các hoạt động như: trao đổi thông tin về đường dây tội phạm; phối hợp theo dõi, thu thập chứng cứ về hành vi mua bán, vận chuyển ma túy qua biên giới; chuyển giao vật chứng, mẫu vật (mẫu ma túy, tiền chất) để giám định; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự đối với trường hợp đối tượng bỏ trốn về nước họ.

Tội phạm mạng là thách thức xuyên quốc gia do không gian mạng không biên giới. Nhiều vụ tấn công, lừa đảo tại Việt Nam do đối tượng ở nước ngoài thực hiện, trong khi tội phạm mạng người Việt cũng có thể tấn công hệ thống ở quốc gia khác. Việc điều tra đòi hỏi TTTPHS để thu thập dữ liệu điện tử từ các công ty nước ngoài (như Facebook, Google), xác định danh tính, địa chỉ IP và phối hợp bắt giữ, dẫn độ nghi phạm. Tuy nhiên, hợp tác còn khó khăn vì nhiều nước chưa có cơ chế chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới. Công ước Budapest năm 2001 là điều ước duy nhất quy định rõ về tương trợ dữ liệu điện tử, song Việt Nam chưa tham gia. Dù vậy, Việt Nam đã thiết lập kênh phối hợp trực tiếp với một số nhà cung cấp dịch vụ và cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài thông qua INTERPOL và các hiệp định song phương mới ký với Hoa Kỳ (2020) và EU (2023), tạo nền tảng để hoàn thiện pháp luật và tiến tới tham gia các điều ước quốc tế chuyên sâu hơn về tội phạm mạng. Đặc biệt, ngày 25/10/2025, Công ước LHQ về chống tội phạm mạng - còn được gọi là “Công ước Hà Nội” - đã chính thức được mở ký tại Thủ đô Hà Nội, Việt Nam. Công ước gồm 9 chương, 71 điều đánh dấu sự ra đời khung pháp lý toàn cầu đầu tiên về hợp tác chống tội phạm mạng, thúc đẩy hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực vì lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Công ước cũng là thông điệp mạnh mẽ về quyết tâm

của nhân loại trong chống tội phạm mạng, xây dựng một thế giới hòa bình, công bằng và thượng tôn pháp luật<sup>10</sup>.

Trong xử lý tội phạm khủng bố, TTTP về hình sự là một phần quan trọng của hợp tác quốc tế nhằm ngăn chặn và trừng trị hành vi khủng bố. Các nghị quyết của Hội đồng Bảo an LHQ và Công ước Chống tài trợ khủng bố năm 1999 đều kêu gọi các quốc gia tích cực trao đổi thông tin, hỗ trợ điều tra. Khi xảy ra vụ án khủng bố liên quan đến Việt Nam, như có nạn nhân hoặc nghi phạm là người Việt, Việt Nam sẽ phối hợp với nước sở tại để thu thập chứng cứ, nhận dạng nạn nhân, lấy lời khai, chuyển giao đối tượng và thực hiện các biện pháp cần thiết khác. Ngược lại, Việt Nam cũng sẵn sàng hỗ trợ các quốc gia khác theo nghĩa vụ thành viên Công ước và các thỏa thuận song phương.

### 3. Một số góp ý hoàn thiện Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về hình sự

Pháp luật Việt Nam hiện hành về TTTP về hình sự được quy định chủ yếu trong Luật TTTP năm 2007, BLTTHS năm 2015 (các điều 491- 495, 499...), cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động hợp tác tương trợ, tuy nhiên thực tiễn cho thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như: *i*. Phạm vi tương trợ chưa bao quát hết các trường hợp (Ví dụ: chưa quy định về *khám xét và thu giữ* theo yêu cầu nước ngoài; chưa đề cập việc *lấy lời khai qua video trực tuyến*; chưa cho phép *phong tỏa tài sản* để tịch thu theo yêu cầu; và chưa quy định cơ chế *trao đổi thông tin tình báo* giữa các cơ quan thực thi pháp luật (chỉ khi có yêu cầu chính thức mới cung cấp thông tin)<sup>11</sup>; *ii*. Các trường hợp từ chối TTTP về hình sự chưa đầy

<sup>10</sup>) Tạ Linh, *Tự hào “Công ước Hà Nội”*, <https://nhandan.vn/tu-hao-cong-uoc-ha-noi-post917953.html>, truy cập ngày 26/10/2025.

<sup>11</sup>) Dương Đình Công (2024), *tlđd*, tr. 31.

đủ và rõ ràng (chẳng hạn chưa cho phép từ chối khi việc thực hiện yêu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của Việt Nam); *iii*. Chưa có quy định riêng cho trường hợp “có đi có lại”; *iv*. Thủ tục TTTPHS còn nhiều vướng mắc như chưa đề cập việc hợp pháp hóa lãnh sự tài liệu tương trợ, thiếu hướng dẫn chi tiết cho Tòa án, Viện kiểm sát về cách thức công nhận và đánh giá chứng cứ nước ngoài.

Những hạn chế nêu trên cho thấy yêu cầu bức thiết phải sửa đổi, hoàn thiện pháp luật TTTP về hình sự của Việt Nam. Nhận thức được điều này, Quốc hội đã đưa Dự án Luật TTTP về hình sự vào chương trình xây dựng luật khóa XV. Dự thảo Luật (dự kiến thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV) sẽ thay thế các quy định về TTTP hình sự trong Luật TTTP năm 2007, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ hơn.

Dự thảo Luật TTTP về hình sự (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật) gồm 4 chương, 40 điều, quy định riêng về hoạt động tương trợ trong lĩnh vực hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài. So với Luật TTTP năm 2007, Dự thảo Luật có nhiều điểm mới, tiến bộ nhằm khắc phục bất cập và nội luật hóa cam kết quốc tế:

*Thứ nhất, phạm vi tương trợ được mở rộng, cập nhật:* Điều 8 Dự thảo Luật liệt kê 11 hình thức tương trợ có thể thực hiện giữa Việt Nam và nước ngoài, hầu như bao quát đầy đủ các biện pháp hiện hành trên thế giới. Đáng chú ý, Dự thảo Luật bổ sung các hình thức mới như: “*lấy lời khai trực tuyến*” (khoản 2) cho phép tiến hành hỏi cung, hỏi nhân chứng qua cầu truyền hình; “*khám xét, thu giữ*” (khoản 4) - lần đầu tiên thừa nhận rõ ràng việc thực hiện khám xét, tịch thu tang vật theo yêu cầu nước ngoài, tạo cơ sở cho những vụ hợp tác điều tra tội phạm ma túy, rửa tiền quy mô lớn; “*áp dụng biện pháp tố tụng để tịch thu, trả lại tài sản*” (khoản 5) nhằm thực thi các yêu cầu

phong tỏa tài sản do phạm tội mà có và trao trả tài sản cho nước yêu cầu; “*chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự*” (khoản 9) quy định việc chuyển vụ án hoặc bị can cho nước khác thụ lý truy tố nếu cần thiết (áp dụng khi đối tượng phạm tội đã về nước họ và quốc gia đó có nhu cầu xét xử). Ngoài ra, các hoạt động truyền thông như tổng đạt giấy tờ, cung cấp chứng cứ, trao đổi thông tin đều có trong danh mục. Việc liệt kê cụ thể và mở rộng này giúp luật nội địa tiệm cận phạm vi tương trợ của các điều ước đa phương như UNCTOC, UNCAC, qua đó đáp ứng tốt hơn các yêu cầu hợp tác thực tiễn.

*Thứ hai, quy định chi tiết về nguyên tắc và bảo đảm quan trọng:* Dự thảo Luật tái khẳng định các nguyên tắc cơ bản (Điều 5 giống Điều 4 Luật TTTP năm 2007) và đặc biệt bổ sung cụ thể hơn nguyên tắc có đi có lại (Điều 6). Theo đó, VKSNDTC (cơ quan trung ương) có quyền quyết định tiếp nhận hay từ chối yêu cầu nước ngoài dựa trên nguyên tắc có đi có lại; trong trường hợp cần thiết sẽ tham vấn Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trước khi quyết định, nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia và quan hệ đối ngoại. Đây là điểm mới quan trọng, vì trước kia vai trò của Bộ Ngoại giao chưa được thể hiện rõ như đã nêu. Bên cạnh đó, Dự thảo Luật bổ sung điều khoản miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với hồ sơ tương trợ (Điều 9) nghĩa là các tài liệu, giấy tờ trong yêu cầu nếu đã được cơ quan có thẩm quyền của phía gửi ký, đóng dấu thì không cần hợp pháp hóa, trừ khi có quy định khác trong điều ước liên quan. Quy định này phù hợp xu hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho trao đổi tài liệu qua biên giới. Về ngôn ngữ, Điều 7 Dự thảo Luật quy định: nếu đã có điều ước song phương thì dùng ngôn ngữ theo điều ước; nếu chưa có điều ước thì hồ sơ phải kèm bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn

ngữ khác họ chấp nhận. Quy định này về cơ bản tương đồng luật cũ, nhưng bổ sung rõ hơn trường hợp có thỏa thuận ngôn ngữ khác được chấp nhận. Đặc biệt, Dự thảo Luật đưa vào Điều 11 quy định chặt chẽ về bảo mật thông tin và giới hạn sử dụng kết quả tương trợ. Theo đó, thông tin, chứng cứ nhận được chỉ được dùng đúng mục đích nêu trong yêu cầu, không được tiết lộ cho bên thứ ba nếu chưa có đồng ý bằng văn bản của nước cung cấp. Đồng thời, phía được yêu cầu phải giữ bí mật yêu cầu và nội dung yêu cầu, bảo đảm thông tin cung cấp không bị sai lệch, lộ lọt hoặc lạm dụng. Quy định này tương thích với chuẩn mực các hiệp định TTTP về hình sự hiện đại, tăng cường niềm tin giữa các quốc gia hợp tác.

*Thứ ba, thủ tục, trình tự xử lý yêu cầu được quy định rõ ràng hơn:* Dự thảo Luật dành một chương (Chương II) quy định tuần tự các bước từ *lập, gửi yêu cầu ra nước ngoài* (Điều 19, 20), *tiếp nhận và xử lý yêu cầu từ nước ngoài* (Điều 27, 28), đến *thực hiện yêu cầu và chuyển giao kết quả* (Điều 29, 30). Cụ thể, khi nhận được yêu cầu từ nước ngoài, VKSNDTC phải vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ trong thời hạn 15 ngày làm việc; nếu hồ sơ hợp lệ thì chuyển ngay cho cơ quan có thẩm quyền (điều tra, truy tố hoặc Tòa án) để thực hiện, nếu không thì trả lại nêu rõ lý do. Thời hạn này nhằm bảo đảm yêu cầu nước ngoài không bị tồn đọng. Trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài chưa dịch ra tiếng Việt, VKSNDTC sẽ tổ chức dịch và trong 15 ngày kể từ khi có bản dịch sẽ chuyển tới cơ quan thực hiện. Như vậy, tổng thời gian “đi đường vòng” qua đầu mối VKSNDTC tối đa khoảng 1 tháng (30 ngày), sau đó phụ thuộc vào việc cơ quan được giao thực hiện nhanh hay chậm. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định nếu yêu cầu nước ngoài gửi không đúng kênh (ví dụ gửi Tòa án địa phương), thì trong 5 ngày cơ quan nhận phải chuyển ngay cho VKSNDTC

để thống nhất đầu mối. Sau khi cơ quan Việt Nam thực hiện xong yêu cầu, kết quả sẽ được gửi trả qua VKSNDTC để chuyển cho phía nước ngoài; tài liệu kết quả tương trợ gửi qua VKSNDTC (kể cả bằng phương tiện điện tử) được xem là có giá trị pháp lý và có thể sử dụng làm chứng cứ tại tòa. Đây là điểm mới quan trọng, giúp củng cố giá trị chứng cứ của tài liệu tương trợ, tránh tranh cãi về sau. Ngoài ra, Dự thảo Luật quy định rõ cơ chế trao đổi bổ sung thông tin: nếu phía yêu cầu thấy kết quả chưa đầy đủ, có thể đề nghị bổ sung; VKSNDTC sẽ liên hệ phía nước ngoài bổ sung theo yêu cầu. Nhìn chung, các bước thủ tục được thiết kế chặt chẽ, có thời hạn cụ thể, tạo điều kiện cho việc thực thi yêu cầu tương trợ nhanh chóng và thống nhất.

*Thứ tư, quy định về cơ quan trung ương và phối hợp liên ngành:* Dự thảo Luật tiếp tục khẳng định VKSNDTC là cơ quan trung ương duy nhất của Việt Nam về TTTP hình sự (Điều 16). Mới hơn, Điều 17 Dự thảo Luật còn mở đường cho hợp tác trực tiếp giữa các tỉnh biên giới của Việt Nam với nước láng giềng trong một số trường hợp đặc thù. Cụ thể, nếu điều ước hoặc thỏa thuận giữa Việt Nam với nước láng giềng có quy định, thì cơ quan tư pháp cấp tỉnh hai bên có thể gửi nhận yêu cầu tương trợ trực tiếp cho nhau (bỏ qua đầu mối trung ương) để đẩy nhanh xử lý các vụ việc khu vực biên giới. Quy định này rất cần thiết, vì trên thực tế tội phạm ở vùng biên (như buôn lậu, ma túy, mua bán người) cần phản ứng nhanh. Dự thảo Luật cũng tính đến trường hợp hiệp định song phương có thỏa thuận riêng về kênh liên lạc (ví dụ một số hiệp định cho phép Bộ Công an gửi trực tiếp cho Bộ Công an nước bạn): khi đó có thể gửi theo cơ quan được thỏa thuận thay vì bắt buộc qua VKSNDTC. Tất cả cho thấy cách tiếp cận linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm vai trò điều phối của VKSNDTC. Ngoài ra, Dự thảo Luật bổ sung một số quy

định mang tính bảo đảm: Điều 10 về bảo đảm an toàn cho người sang làm chứng hoặc tham gia tố tụng ở nước ngoài (quy định rõ người đó sẽ không bị truy cứu về hành vi trước đó, không bị bắt giữ, và được về nước an toàn trong thời hạn 15 ngày sau khi xong việc); Điều 13 về yêu cầu liên quan đến hình phạt tử hình, nếu nước ngoài yêu cầu không áp dụng hoặc thi hành án tử hình thì VKSNDTC báo cáo và có văn bản cam kết không tử hình (nếu thuộc trường hợp Luật Hình sự Việt Nam đã loại trừ hình phạt tử hình) hoặc không thi hành án tử (nếu Chủ tịch nước đồng ý đặc xá). Đây là điều kiện thường được các nước phương Tây đặt ra trước khi tương trợ hoặc dẫn độ, nay luật hóa sẽ giúp quá trình đàm phán và thực hiện TTTP về hình sự với những nước đã bỏ án tử hình thuận lợi hơn.

Như vậy, có thể thấy Dự thảo Luật TTTP về hình sự đã có nhiều điểm mới tích cực, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và giải quyết phần lớn vướng mắc của luật cũ. Phạm vi và hình thức tương trợ được mở rộng đầy đủ, nguyên tắc có đi có lại được cụ thể hóa, quy trình thủ tục rõ ràng với thời hạn ràng buộc, cơ chế phối hợp liên ngành và qua biên giới linh hoạt hơn, đồng thời bổ sung các điều khoản về bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, cam kết không áp dụng án tử hình... Tất cả cho thấy quyết tâm của Việt Nam trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đáp ứng yêu cầu hợp tác phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, Dự thảo Luật vẫn còn một số điểm cần tiếp tục hoàn thiện, điều chỉnh cho phù hợp hơn với thông lệ quốc tế cũng như bảo đảm tính khả thi khi triển khai. Cụ thể như sau:

Một là, về áp dụng pháp luật, Điều 4 Dự thảo Luật quy định TTTPHS được thực hiện theo quy định của Luật TTTPHS. Trường

hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam. Việc áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Điều khoản này chưa quy định cách xử lý trường hợp có xung đột giữa điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam. Theo khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và khoản 5 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, nếu có quy định khác nhau về TTTPHS giữa pháp luật Việt Nam với điều ước quốc tế thì điều ước quốc tế sẽ được ưu tiên áp dụng. Do đó, cần bổ sung vào Điều 4 một khoản (khoản 3) khẳng định nguyên tắc ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhằm bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành như sau:

### **“Điều 4. Áp dụng pháp luật**

1. *Tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo quy định của Luật này. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.*

2. *Việc áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

3. ***Trường hợp Luật này và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về tương trợ tư pháp hình sự thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó***”.

Hai là, về các nguyên tắc TTTPHS. Bên cạnh các nguyên tắc đã được quy định, Dự thảo Luật cần nên ghi nhận rõ các nguyên tắc “tội phạm kép”, “dành sự tương trợ tối đa” và “bảo đảm quyền con người” như là

định hướng cơ bản khi thực hiện tương trợ. Điều này không chỉ cụ thể hóa cam kết của Việt Nam trong các công ước LHQ (như UNCTOC, UNCAC) mà còn tạo cơ sở pháp lý để áp dụng nhất quán các nguyên tắc đó trong thực tiễn. Chẳng hạn, có thể bổ sung các nguyên tắc tại Điều 5: “Tuân thủ nguyên tắc tội phạm kép, trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật Việt Nam có quy định ngoại lệ”, “Đảm bảo tôn trọng quyền con người trong quá trình thực hiện tương trợ”, “Dành sự tương trợ đầy đủ nhất có thể cho Bên yêu cầu phù hợp với pháp luật”. Việc luật hóa những nguyên tắc này sẽ định hướng cho cơ quan thực thi cân nhắc đầy đủ yếu tố nhân đạo và hợp tác thiện chí khi xử lý từng vụ việc, tránh tình trạng lạm dụng từ chối hoặc vi phạm quyền của cá nhân liên quan.

Đồng thời, cần xem xét hoàn thiện quy định về nguyên tắc có đi có lại. Mặc dù Dự thảo Luật đã nêu cơ chế quyết định của VKSNDTC, nhưng cần quy định rõ hơn điều kiện và trình tự áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Vì vậy, nên bổ sung một điều (hoặc khoản) riêng hướng dẫn: những yếu tố nào cần xem xét khi quyết định chấp nhận yêu cầu dựa trên có đi có lại (ví dụ: mức độ hợp tác trong quá khứ giữa hai nước; cam kết bằng văn bản từ phía nước yêu cầu sẽ đáp lại tương tự). Đồng thời, quy định Bộ Ngoại giao và VKSNDTC phối hợp đánh giá các yếu tố chính trị, ngoại giao, khả năng thực hiện của đối tác trước khi quyết định<sup>12</sup>. Ngoài ra, Luật nên yêu cầu khi chấp nhận tương trợ theo nguyên tắc “có đi có lại” thì VKSNDTC thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao để theo dõi, bảo đảm nghĩa vụ đối ứng về sau. Việc này nhằm nâng cao tính ràng buộc và bảo đảm nguyên tắc có đi có lại được vận

dụng “trên tinh thần hỗ trợ tích cực”, thay vì áp dụng một cách hình thức, máy móc.

Ba là, về phạm vi TTTPHS, một điểm mới nổi bật của Dự thảo Luật so với Luật TTTP năm 2007 là bổ sung hình thức “lấy lời khai trực tuyến” (khoản 2 Điều 8). Đây là bước tiến đáng hoan nghênh, cho phép lấy lời khai nhân chứng, bị hại thông qua phương tiện trực tuyến thay vì phải chuyển giao thể chất. Tuy nhiên, Dự thảo Luật hiện chưa làm rõ khái niệm và cách thức tiến hành lấy lời khai trực tuyến. Điều 31 Dự thảo Luật quy định về việc “thực hiện yêu cầu để lấy lời khai trực tuyến” mà không định nghĩa lấy lời khai trực tuyến là gì hoặc quy định trình tự đặc thù của nó. Do đó, kiến nghị bổ sung giải thích rõ “lời khai trực tuyến” là lời khai được thu thập thông qua phiên làm việc bằng hình thức truyền hình trực tiếp giữa hai bên; đồng thời quy định phiên trực tuyến này phải được ghi hình, ghi âm lại, có sự chứng kiến của đại diện cơ quan tiến hành tố tụng hai bên. Ngoài ra, cần khẳng định việc lấy lời khai trực tuyến chỉ hợp lệ nếu tuân thủ các phương thức công nghệ được pháp luật công nhận (ví dụ hệ thống hội nghị truyền hình bảo đảm bảo mật, nhận diện rõ người khai...)<sup>13</sup>. Làm rõ như vậy sẽ bảo đảm tính minh bạch, giá trị pháp lý của biên bản lời khai trực tuyến, tránh tình trạng sau này lời khai bị tranh chấp vì cho rằng thu thập không đúng chuẩn.

Ngoài ra, Dự thảo Luật cần mở rộng hơn nữa phạm vi tương trợ tiệm cận thông lệ quốc tế. Như phân tích, Dự thảo Luật đã liệt kê 11 hình thức tương trợ, nhưng để bắt kịp hoàn toàn các hiệp định hiện đại, có thể xem xét bổ sung một vài hoạt động: chẳng hạn “kiểm tra người, đồ vật, địa điểm” (một số điều ước quốc tế coi đây là hình thức riêng, liên quan

<sup>12</sup> Nguyễn Thanh Liêm (2024), *tlđđ*, tr. 22.

<sup>13</sup> Trung Hưng, “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tương trợ tư pháp hình sự”, <https://nhandan.vn/hoan-thien-khuon-kho-phap-ly-ve-tuong-tro-tu-phap-hinh-su-post888898.html>, truy cập ngày 25/10/2025.

đến lấy dấu vân tay, mẫu ADN...); “xác định hoặc truy tìm tài sản do phạm tội” (công ước LHQ thường nêu riêng hoạt động này). Tuy các nội dung này phần lớn đã ẩn chứa trong các điểm đã liệt kê của Dự thảo Luật, việc quy định cụ thể sẽ giúp cơ quan thực thi mạnh dạn áp dụng. Bên cạnh đó, Luật không nên loại trừ trao đổi thông tin tình báo chỉ vì chưa có yêu cầu chính thức. Vì vậy, Dự thảo Luật nên diễn giải rõ khoản 10 Điều 8 (“Trao đổi thông tin”) bao gồm cả cung cấp thông tin chủ động lẫn theo yêu cầu, để khuyến khích việc chia sẻ thông tin kịp thời giữa các quốc gia phòng ngừa tội phạm.

*Bốn là*, về các trường hợp từ chối TTTPHS, Điều 28 Dự thảo Luật nên sửa đổi theo hướng phân tách hai loại: các trường hợp bắt buộc từ chối và các trường hợp có thể từ chối. Nhóm bắt buộc nên bao gồm: yêu cầu vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; yêu cầu gây phương hại chủ quyền, an ninh; yêu cầu liên quan hành vi không cấu thành tội phạm theo Bộ luật Hình sự Việt Nam; yêu cầu nhằm truy cứu người đã được xét xử chung thẩm hoặc được đại xá ở Việt Nam. Nhóm từ chối tùy nghi bổ sung các căn cứ: yêu cầu về tội phạm chính trị, tội phạm thuần túy quân sự; yêu cầu liên quan bí mật quốc gia; và quan trọng là yêu cầu không được bảo đảm có đi có lại hoặc vượt quá khả năng nguồn lực của Việt Nam. Việc đưa hai căn cứ sau vào sẽ bảo vệ lợi ích Việt Nam trong hợp tác: nếu nước yêu cầu trước nay không hồi đáp tương trợ thì Việt Nam có quyền từ chối để gây sức ép tuân thủ nguyên tắc có đi có lại; nếu yêu cầu đòi hỏi nguồn lực quá lớn (ví dụ yêu cầu từ hàng trăm nhân chứng, hàng triệu trang tài liệu) thì có thể từ chối với lý do chính đáng, tránh sa lầy. Những bổ sung này phù hợp thông lệ quốc tế (nhiều hiệp định TTTPHS có điều khoản từ chối vì

lý do chủ quyền, an ninh, chính trị hoặc quá sức) và giúp bảo đảm hiệu quả thực thi luật.

*Năm là*, về thủ tục tương trợ trong trường hợp không có hiệp định (có đi có lại): Đây là khoảng trống mà Dự thảo Luật nên bổ sung. Theo đó, nên xây dựng một điều khoản riêng hoặc bổ sung vào điều về thủ tục (Chương II) quy định: khi xử lý yêu cầu dựa trên có đi có lại, trình tự cũng tiến hành như yêu cầu theo hiệp định, nhưng cần thêm bước xin ý kiến chấp thuận của Bộ Ngoại giao và thông báo quyết định cho nước yêu cầu qua đường ngoại giao. Cụ thể, VKSNDTC sau khi nhận yêu cầu sẽ lấy ý kiến Bộ Ngoại giao (trong thời hạn nhất định, ví dụ 10 ngày); nếu được đồng ý thì mới tiến hành các bước tiếp theo như bình thường. Sau khi hoàn thành yêu cầu, VKSNDTC gửi kết quả cho phía nước ngoài thông qua Đại sứ quán của họ tại Việt Nam (nếu không có kênh liên lạc trực tiếp). Việc quy định như vậy vừa bảo đảm đúng vai trò “chủ trì” của Bộ Ngoại giao trong nguyên tắc có đi có lại như luật định hiện hành, vừa tạo khuôn khổ minh bạch cho các cơ quan tố tụng biết mà thực hiện.

Ngoài ra, cần bổ sung hướng dẫn về trình tự thực hiện một số hoạt động phi truyền thống. Để thuận lợi khi thực hiện, Dự thảo Luật cần bổ sung quy định giao Chính phủ hoặc liên ngành ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết quy trình thực hiện các hình thức tương trợ mới như lấy lời khai qua video, thu thập dữ liệu điện tử... Ví dụ, hướng dẫn về cách lập biên bản lời khai qua cầu truyền hình với sự chứng kiến của đại diện cơ quan hai bên; quy trình chuyển giao chứng cứ điện tử (bản sao dữ liệu, chứng nhận tính toàn vẹn...). Những hướng dẫn này có thể ban hành dưới dạng nghị định hoặc thông tư liên tịch sau khi Dự thảo Luật thông qua, bảo đảm Luật mới sớm đi vào cuộc sống và không bị lúng túng khi áp dụng những cơ chế lần đầu có hiệu lực pháp lý■